TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2023/DS-ST
Ngày: 07-9-2023
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Như Quyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Út

2. Ông Lê Trọng Hiếu

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Trần Tấn Huy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Phạm Chí Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 336/2023/TLST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2023 về "tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2023/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Phạm Văn Q, sinh năm 1966;

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

- *Bị đơn:*

1. Ông Đào Văn Đ, sinh năm 1962;

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1964;

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 22/5/2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Phạm Văn Q *trình bày*:

Do mối quan hệ bạn bè lâu năm nên ông Q có cho ông Đ vay tiền cụ thể:

Lần 1: Ngày 06/7/2022, cho vay số tiền 170.000.000 đồng. Có làm giấy tay vay tiền, do ông Đ tự viết và ký tên, viết họ tên. Thỏa thuận trong vòng 30 ngày kể từ ngày ký sẽ hoàn trả vốn và lãi.

Lần 2: Ngày 09/8/2022, cho vay số tiền 80.000.000 đồng, ông Đ cũng viết và ký vào giấy tay mượn tiền, hứa đến ngày 09/9/2022 sẽ hoàn lại toàn bộ tiền trước và sau.

Lần 3: Chiều cùng ngày 09/8/2022, cho vay thêm số tiền 10.000.000 đồng, ông Đ cũng viết tiếp vào giấy vay tiền và ký họ tên, hứa miệng đến ngày 09/9/2022 sẽ trả hết số tiền đã mượn.

Lần 4: Ngày 03/10/2022, cho vay số tiền 35.000.000 đồng, ông Đ cũng tự viết giấy nợ, ký tên. Hứa đến ngày 03/11/2022 sẽ hoàn trả vốn và lời.

Tổng cộng ông cho ông Đ vay số tiền 295.000.000 đồng. Vì chỗ bạn bè thân thiết nên ông cho ông Đ vay không có lãi suất và từ ngày vay đến nay ông cũng không có nhận bất cứ khoản tiền lãi nào từ ông Đ. Đến hạn trả nợ ông nhiều lần liên hệ yêu cầu ông Đ thanh toán toàn bộ số tiền nợ thì ông Đ có viết cho ông một phiếu hẹn trong đó thể hiện nội dung nợ số tiền 300.000.000 đồng (300.000.0000 đồng này là viết chẵn nhưng thực tế số tiền của bốn lần vay tổng cộng 295.000.000 đồng), hẹn ngày 20/5/2023 sẽ hoàn trả lại hết số tiền này nhưng đến nay ông Đ vẫn không trả nợ cho ông.

Đối với bà H là vợ ông Đ mặc dù không có ký tên vào giấy nợ nhưng ngày 06/7/2022 khi ông Đ sang nhà ông hỏi vay số tiền 170.000.000 đồng thì có mặt bà H nên bà H biết việc vay mượn tiền của ông Đ. Khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân nên nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ và bà H có trách nhiệm liên đới trả số nợ vay là 295.000.000 đồng, ông tự nguyện không yêu cầu trả lãi. Thời gian trả nợ yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật, yêu cầu bị đơn trả nợ khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn ông Đào Văn Đ *trình bày trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:*

Ông và ông Q là bạn bè quen biết nhau. Ông thừa nhận về quá trình vay mượn tiền ông Q trình bày hoàn toàn đúng, ông còn nợ ông Q số tiền vay 295.000.000 đồng chưa trả.

Bà Trần Thị H là vợ của ông, hôn nhân vẫn còn tồn tại. Trong quá trình giải quyết vụ án ông có trình bày bà H biết việc ông vay tiền của ông Q, số tiền vay sử dụng để lo sinh hoạt chung trong gia đình là vì không muốn công khai việc ông đứng ra mượn tiền vay thay cho người khác. Bà H không đồng ý cùng ông liên đới trả nợ cho ông Q vì cho rằng không có sử dụng tiền vay thì ông xác nhận là sự thật bởi lẽ toàn bộ số tiền vay của ông Q thì ông sử dụng để cho người khác vay lại, chứ không có sử dụng lo cho sinh hoạt gia đình. Trong số bốn lần vay tiền của ông Q thì chỉ có lần đầu tiên vào ngày 06/7/2022 vay số tiền 170.000.000 đồng thì bà H có đi cùng ông sang nhà ông Q, bà H biết việc ông đi mượn tiền của ông Q nhưng không tham gia mà ông là người trực tiếp hỏi mượn tiền của ông Q.

Nay ông yêu cầu để một mình ông chịu trách nhiệm trả cho ông Q số tiền vay còn nợ là 295.000.000 đồng. Về thời gian trả nợ do điều kiện hoàn cảnh khó khăn không có khả năng trả một lần nên ông xin được trả dần trong thời gian 3 tháng.

Bị đơn bà Trần Thị H *trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 09/8/2023 như sau:*

Bà là vợ của ông Đ, hiện hôn nhân còn tồn tại. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông Q bà không đồng ý. Ngày 06/7/2022, ông Đ có chở bà sang nhà ông Q, lúc này ông Đ hỏi vay số tiền 170.000.000 đồng của ông Q thì bà có biết. Những lần vay tiền sau thì một mình ông Đ vay tiền của ông Q bà không biết. Toàn bộ số tiền ông Đ vay của ông Q thì ông Đ tự ý sử dụng, bà không có sử dụng số tiền vay này. Bà và ông Đ trước giờ có công việc chăn nuôi để tạo thu nhập lo cho sinh hoạt gia đình, thời gian sau này chăn nuôi không nhiều thì sinh hoạt gia đình có anh em bạn bè giúp đỡ và người con trai lo. Ông Đ không có công việc làm ăn nào khác, việc ông Đ vay tiền của ông Q sử dụng làm gì bà không biết. Nay bà không đồng ý chịu trách nhiệm liên đới cùng ông Đ trả nợ cho ông Q.

Bà H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Long An phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào phiếu hẹn ông Q cung cấp và lời trình bày của ông Q có cho ông Đ vay số tiền 295.000.000 đồng, ông Đ cũng thừa nhận có nợ ông Q số tiền 295.000.000 đồng đây là tình tiết không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông Q yêu cầu ông Đ và bà H cùng chịu trách nhiệm liên đới trả số nợ 295.000.000 đồng, nhưng bà H trình bày ngày 06/7/2022 bà H có cùng ông Đ sang nhà ông Q để hỏi vay số tiền 170.000.000 đồng. Các lần sau thì ông Đ đi một mình bà H không biết. Toàn bộ số tiền vay bà H không có sử dụng. Xét thấy, việc vay tiền của ông Đ là trong thời kỳ hôn nhân, ngày 06/7/2022 bà H và ông Đ cùng qua gặp ông Q để vay số tiền 170.000.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở xác định đây là nghĩa vụ phát sinh của vợ chồng cùng thỏa thuận xác lập. Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và Gia đình đề nghị chấp nhận yêu cầu buộc bà H và ông Đ liên đới trả số tiền 170.000.000 đồng cho ông Q. Đối với các lần vay còn lại số tiền là 125.000.000 đồng, ông Đ một mình đến vay tiền, bà H không biết đồng thời ông Q, ông Đ cũng không có chứng minh được số tiền vay này sử dụng cho nhu cầu thiết yếu trong gia đình nên không có cơ sở chấp nhận yêu cầu buộc bà H có nghĩa vụ liên đới trả nợ đối với số tiền vay 125.000.000 đồng. Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét và kết quả tranh luận của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, đề nghị chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Tranh chấp phát sinh giữa ông Phạm Văn Q và ông Đào Văn Đ, bà Trần Thị H là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn ông Đào Văn Đ và bà Trần Thị H hiện nay cư trú tại xã T, huyện C, tỉnh Long An nên khi ông Q có đơn khởi kiện, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Long An căn cứ vào Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Bị đơn bà Trần Thị H được Tòa án nhân dân huyện C tống đạt các văn bản tố tụng và có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành giải quyết, xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị H theo quy định tại Điều 207, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Căn cứ vào các giấy cho mượn tiền, phiếu hẹn thì giữa ông Phạm Văn Q và ông Đào Văn Đ có xác lập quan hệ hợp đồng vay tiền nội dung thể hiện ông Đào Văn Đ có vay của ông Phạm Văn Q 04 lần, tổng cộng số tiền là 295.000.000 đồng, không thỏa thuận lãi suất, thời hạn trả tiền đến ngày 20/5/2023. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Đào Văn Đ xác định có vay tiền của ông Q nhiều lần nội dung các lần vay tiền đúng như ông Q trình bày, chữ viết và chữ ký trong các giấy mượn tiền và phiếu hẹn đều là của ông Đ viết, ông Đ cũng thừa nhận còn nợ ông Q số tiền vay là 295.000.000 đồng. Như vậy có đủ căn cứ xác định ông Đào Văn Đ có vay tiền của ông Phạm Văn Q và hiện còn nợ số tiền 295.000.000đồng.

[2.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn xác định tự nguyện không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi nên không xem xét.

[2.3] Về nghĩa vụ liên đới:

Ông Q, ông Đ và bà H trình bày thống nhất nội dung vào ngày 06/7/2022, khi ông Q cho ông Đ vay số tiền 170.000.000 đồng thì có mặt bà H. Mặc dù bà H không có ký tên vào giấy nợ ngày 06/7/2022 và bà H trình bày không có sử dụng số tiền vay. Tuy nhiên, có đủ cơ sở xác định vào ngày 06/7/2022 khi ông Đ vay số tiền 170.000.000 đồng của ông Q thì bà H biết, bà H không có ý kiến phản đối về việc vay tiền này cho thấy bà H đồng ý với giao dịch mà ông Đ xác lập với ông Q. Ông Đ và bà H là vợ chồng, hôn nhân vẫn còn tồn tại. Đối chiếu quy định tại Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình có đủ cơ sở buộc bà H phải chịu trách nhiệm liên đới cùng ông Đ trả số nợ vay 170.000.000 đồng cho ông Q.

Đối với khoản vay còn lại các ngày 09/8/2022 và 03/10/2022 số tiền là 125.000.000 đồng, ông Q và ông Đ xác định khi cho vay tiền chỉ có mình ông Đ, lúc cho vay tiền bà H không biết nên không có ký tên vào giấy nợ. Ông Đ trình bày mục đích vay tiền là cho người khác vay lại chứ không sử dụng cho sinh hoạt gia đình, bà H trình bày vợ chồng bà H làm nghề chăn nuôi, không có công việc kinh doanh chung nào khác, sinh hoạt gia đình lấy từ thu nhập chăn

nuôi của vợ chồng, anh chị em và con trai phụ giúp. Do đó, có cơ sở xác định tại thời điểm ông Q cho ông Đ vay tiền chưa có sự đồng thuận của bà H là vợ của ông Đ, việc ông Đ vay số tiền 125.000.000 đồng của ông Q không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình, cũng không nhằm mục đích sử dụng kinh doanh chung của vợ chồng nên không có căn cứ buộc bà H chịu trách nhiệm liên đới đối với khoản tiền vay này.

[2.4] Về thời hạn thực hiện nghĩa vụ: ông Q yêu cầu bị đơn trả nợ khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông Đ đề nghị được trả dần số nợ trong thời gian 3 tháng nhưng không được ông Q đồng ý. Xét việc xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ do các bên thỏa thuận. Việc ông Đ chậm thanh toán nợ là ảnh hưởng quyền lợi của bên có quyền và theo quy định của pháp luật cũng không có quy định trả dần. Do đó, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn trả tiền khi bản án có hiệu lực pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.5] Từ những nhận định trên có căn cứ chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và toàn bộ phát biểu đề nghị của Kiểm sát viên.

[3] Về án phí: Căn cứ quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016. Ông Đ là người cao tuổi nên được miễn án phí. Bà H phải chịu 4.250.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. H1 lại tiền tạm ứng án phí cho ông Q.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 và Điều 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Văn Q đối với bị đơn ông Đào Văn Đ, bà Trần Thị H về "Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản".

Buộc ông Đào Văn Đ, bà Trần Thị H có trách nhiệm liên đới trả cho ông Phạm Văn Q số tiền vay là 170.000.000đồng (*Bằng chữ: Một trăm bảy mươi triệu đồng*).

Buộc ông Đào Văn Đ có trách nhiệm trả cho ông Phạm Văn Q số tiền vay là 125.000.000đồng (*Bằng chữ: Một trăm hai mươi lăm triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hánh án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Về án phí: Miễn án phí cho ông Đào Văn Đ. Buộc bà Trần Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 4.250.000đồng.

Hoàn trả cho ông Phạm Văn Q số tiền tạm ứng án phí là 7.375.000đồng theo biên lai thu số 0005748 ngày 13/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA DS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Như Quyền

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Ủy ban nhân dân tỉnh Long An
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án; án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phùng Thị Cẩm Hồng